TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 /6/2023
V/v: Ly hôn,nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thế Khoa

2. Ông Trần Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, về việc: "L*y hôn, nuôi con* ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: số 125/9, ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
Bị đơn: Chị **Trần Thị Tm**, sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ : số 125/9, ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tm qua quen biết tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/2014. Sau khi kết hôn thì anh về chung sống bên gia đình chị Tm hơn một năm thì vợ chồng về chung sống bên gia anh tại xã Lộc Hòa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi và mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chị Tm đã bỏ nhà ra đi về nhà cha mẹ chị, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12/2022, anh có kêu chị về chị không về. Nay anh T yêu cầu

ly hôn với chị Trần Thị Tm.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/9/2015 và Huỳnh Kim V, sinh ngày 11/12/2021 hiện tại do chị Tm đang nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao hai con cho chị Tm tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Anh T có cung cấp giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã xác nhận chị Tm đã dắt 02 con bỏ đi, anh không lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Huỳnh Kim N được.

Tòa án đã gởi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần triệu tập chị Trần Thị Tm đến Tòa án giải quyết vụ kiện, chị Tm không có ở nhà cán bộ Thừa phát lại mới thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật, anh T khai mỗi lần Tòa mời đến hòa giải anh đều chụp hình thông báo gửi cho chị Tm, đến ngày hòa giải chị Tm không đến và không gởi bản ý kiến gì về việc anh T yêu cầu ly hôn yêu cầu nuôi con với chị. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử .

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn chị Trần Thị Tm vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Anh Huỳnh Văn T yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Tm, chị Tm còn đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 chị Trần Thị Tm đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị Tm không đến Tòa án làm việc, chị Tm còn đăng ký hộ khẩu tại số ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án ly hôn này theo quy định của pháp luật.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã triệu tập lần hai chị Tm đến Tòa án xét xử, đến ngày xét xử lần 2 chị Tm vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt chị Trần Thị Tm.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn T yêu cầu ly hôn với chị Trần Anh Tm cả hai có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Long Hồ,

tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn anh T khai vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, thường cự cải nhau, dẫn đến chị Tm bỏ nhà về cha mẹ ruột, anh có kêu chị Tm về, chị không về. Tại phiên tòa hôm nay chị Tm vắng mặt và không gửi bản khai ý kiến hay yêu cầu gì về việc anh T yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con với chị. Xét tình cảm vợ chồng phải tự nguyện từ hai phía, phải yêu thương chăm sóc lẫn nhau, nhưng hiện nay tình cảm của anh T và chị Tm đã mẫu thuẫn trầm trọng, không còn sống chung đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, hôn nhân không đạt được, Vì vậy chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị Trần Thị Tm là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/9/2015 và Huỳnh Kim V, sinh ngày 11/12/2021 hiện tại do chị Tm đang nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao hai con cho chị Tm tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, tại phiên tòa hôm nay chị Tm vắng mặt, anh T xác định 02 con hiện nay do chị Tm chăm sóc nuôi dưỡng, do chị Tm dẫn 02 con đi nên anh không cung cấp ý kiến nguyện vọng về cha mẹ ly hôn con muốn ở với ai của cháu Kim N được. Xét 02 cháu đang sống ổn định với chị Tm và anh cũng đồng ý giao 02 con cho chị Tm chăm sóc nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/9/2015 và Huỳnh Kim V, sinh ngày 11/12/2021 cho chị Trần Thị Tm tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[**2.3.**] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T giao con cho chị Tm chăm sóc nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, chị Tm không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Huỳnh Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này, quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.4] Về T sản chung, nợ chung : Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Huỳnh Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Tm .

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Kim N, sinh ngày 20/9/2015 và Huỳnh Kim V, sinh ngày 11/12/2021 cho chị Trần Thị Tm chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không cấp dưỡng nuôi con, chị Tm vắng mặt không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Anh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

5. Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Buộc anh Huỳnh Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004845 ngày 22/3/2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh T không phải nộp thêm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp